FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	40,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.2%	-2.9%	5.3%

2024

DT thuần **102,323** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 1,234 ▼ 1.2%

2024

LN gộp **32,967** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 2,740 ▼ 7.7%

2024

LN thuần **40,943** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 3,102 ▼ 7.0%

2024

LN sau thuế **35,073** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 1,540 ▲ 4.6%

2024

ROE **15.8%**

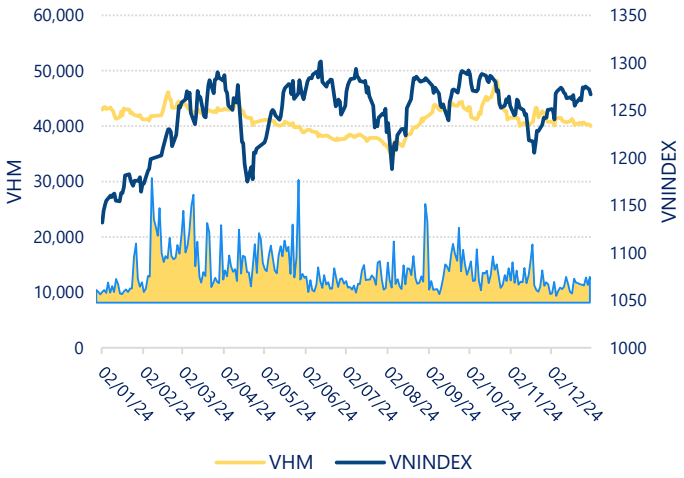
+/- YoY ▼ 4.4%

2024

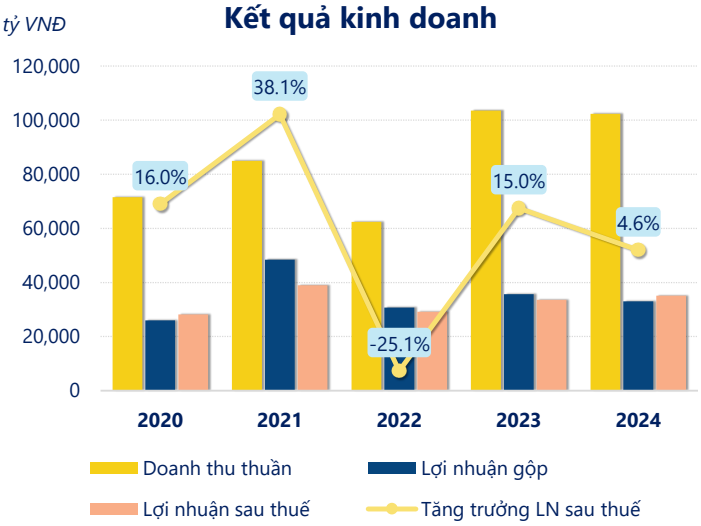
ROA **6.3%**

+/- YoY ▼ 2.0%

Lịch sử giá

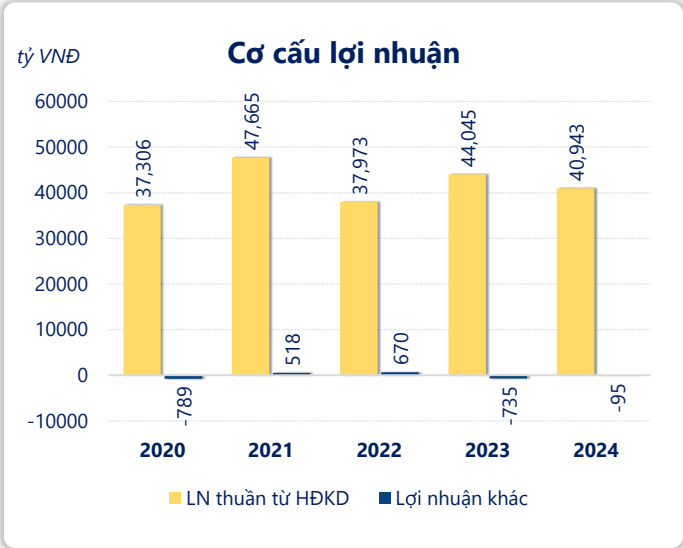


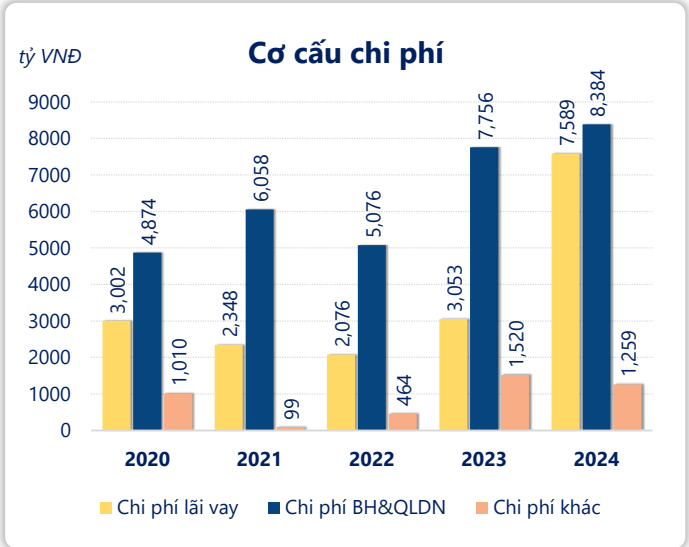
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **VHM** ghi nhận doanh thu thuần **102,323** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **35,073** tỷ đồng, lần lượt **giảm 1.19%** và **tăng 4.59%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **15.8%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

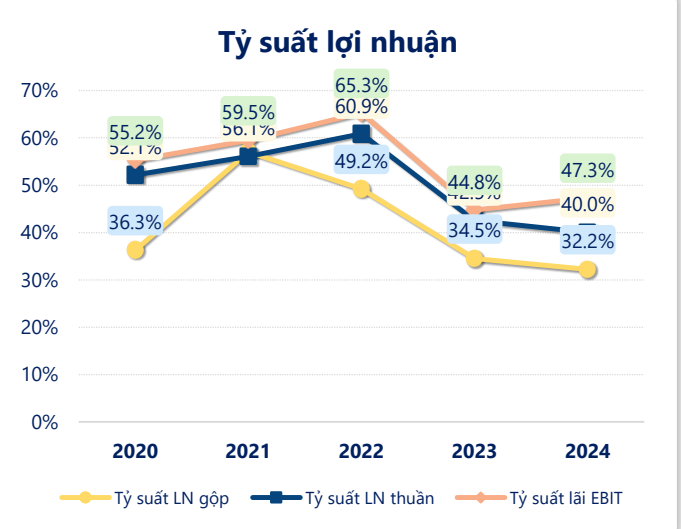


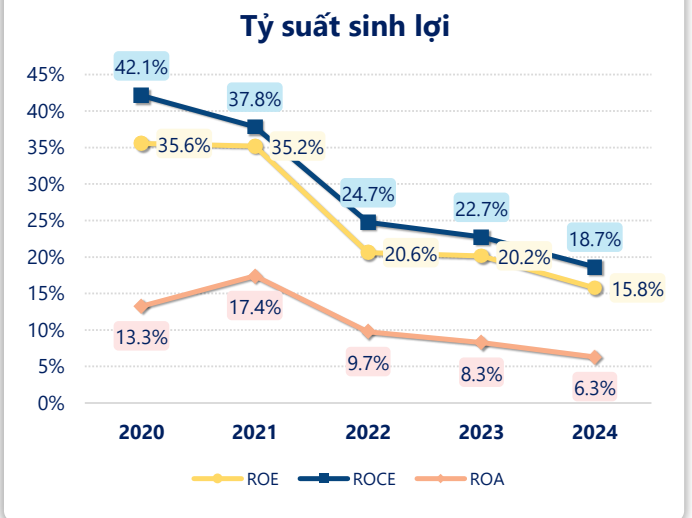


Năm **2024**, **VHM** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **40,943** tỷ đồng, **giảm đi 3,103** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (41,586 tỷ đồng) là 643.5 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

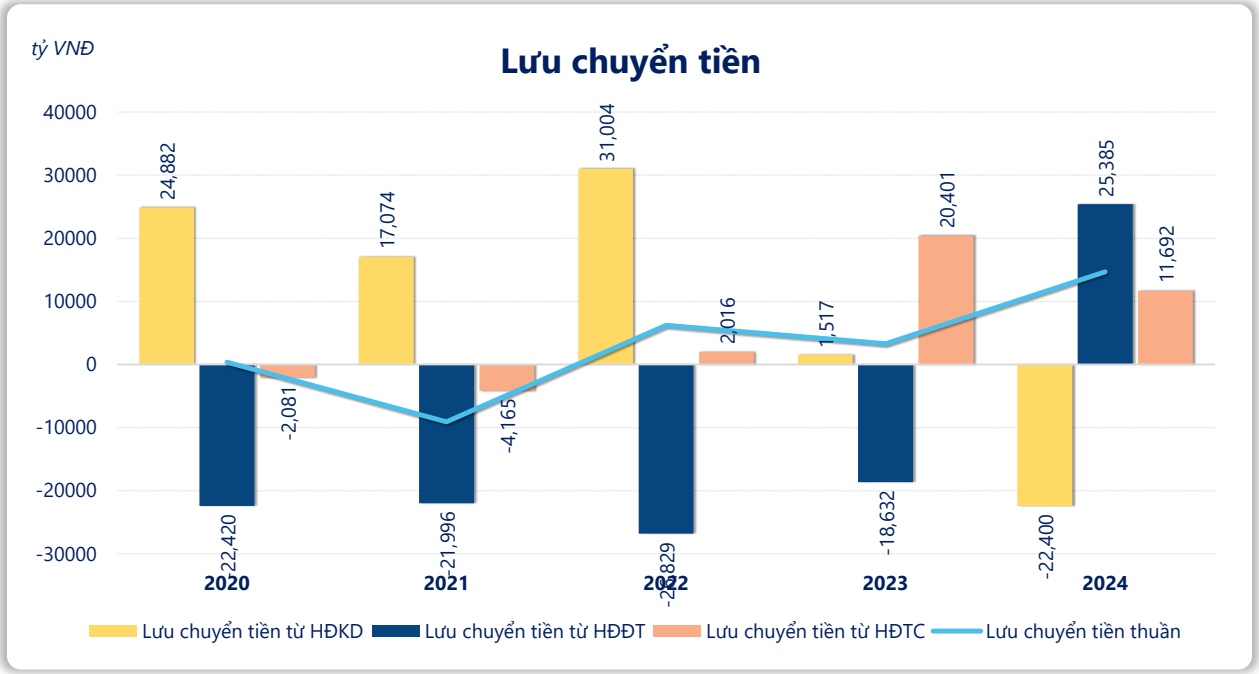
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **7,589** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **8,384** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1,259** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VHM năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **15.8%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**71,547**	**84,986**	**62,393**	**103,557**	**102,323**
Giá vốn hàng bán	45,611	36,526	31,696	67,850	69,356
Lợi nhuận gộp	**25,936**	**48,460**	**30,696**	**35,707**	**32,967**
Doanh thu HĐTC	20,245	7,995	16,690	19,954	26,844
Chi phí TC	4,019	2,786	4,394	3,870	10,487
Chi phí lãi vay	**3,002**	**2,348**	**2,076**	**3,053**	**7,589**
LN trong công ty LKLD	18.5	53.8	56.4	10.7	3.21
Chi phí bán hàng	2,681	2,289	2,432	3,663	3,791
Chi phí QLDN	2,193	3,769	2,644	4,093	4,593
LN thuần từ HĐKD	**37,306**	**47,665**	**37,973**	**44,045**	**40,943**
Lợi nhuận khác	-789	518	670	-735	-95.0
LN trước thuế	**36,517**	**48,183**	**38,643**	**43,310**	**40,848**
Lợi nhuận sau thuế	**28,207**	**38,948**	**29,162**	**33,533**	**35,073**
LNST của CĐ cty mẹ	**27,351**	**38,825**	**28,831**	**33,371**	**31,801**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VHM bằng **14,677** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (3,286 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-22,400** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **25,385** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **11,692** tỷ đồng.